

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 321/QĐ-CDCHN ngày 29 tháng 6 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội)

Tên ngành:	Hướng dẫn du lịch
Mã ngành, nghề:	6810103
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề Hướng dẫn du lịch tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ cao đẳng và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành Hướng dẫn du lịch; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

1.2.1 Kiến thức

- Thể hiện được kiến thức thực tế và lý thuyết rộng trong hướng dẫn du lịch.
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu trong nghề hướng dẫn du lịch và hoạt động xã hội phục vụ công tác chuyên môn.
- Khai thác được về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Trình bày được nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong hướng dẫn du lịch.

1.2.2 Kỹ năng

- Tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng.
- Giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong phạm vi ngành Hướng dẫn du lịch.
- Truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc.

- Xây dựng được kế hoạch chương trình du lịch cụ thể.

- Chuẩn bị, tổ chức thực hiện được chương trình, thuyết minh, hướng dẫn tham quan, quản lý đoàn khách, hỗ trợ quảng cáo tiếp thị và bán chương trình, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch, chăm sóc khách hàng... đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự.

- Sử dụng thành thạo tin học văn phòng.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, biết tập hợp ý kiến đồng nghiệp, luôn chủ động nắm bắt công việc, có khả năng giải quyết tình huống do yêu cầu thực tế đặt ra.

- Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên nhóm.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; trung thực, chính xác, an toàn trong công tác. Sẵn sàng hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành nhiệm vụ. Yêu nghề, tích cực tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các công ty du lịch, khách sạn, lữ hành, tổ chức phi chính phủ, sở ban ngành về du lịch, vận chuyển, tổ chức sự kiện và các đơn vị dịch vụ khác, ở các vị trí như: hướng dẫn viên du lịch hoặc chuyên viên phụ trách các bộ phận lưu trú, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, tổ chức hội nghị - sự kiện; quản trị - điều hành - thiết kế tour tại các công ty trong và ngoài nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; chuyên viên tại các Sở, ban, Ngành về Du lịch.

Có cơ hội phát triển khả năng kinh doanh độc lập hoặc học lên trình độ cao hơn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

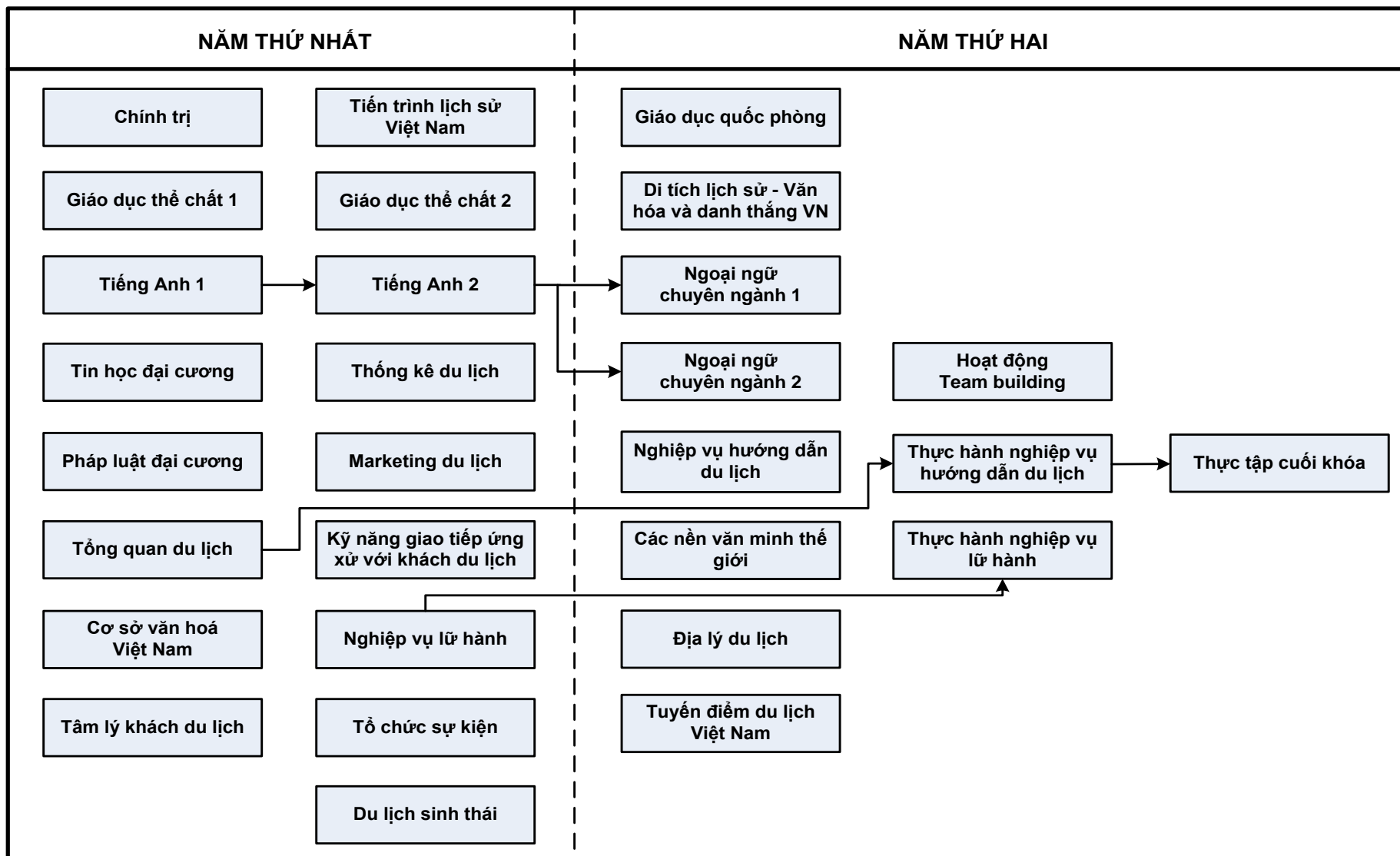
- | | |
|---|--------------------|
| - Số lượng môn học, mô đun: | 31 tương đương với |
| - Khối lượng kiến thức toàn khóa học: | 82 tín chỉ |
| - Khối lượng các môn học chung/ đại cương: | 435 giờ |
| - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: | 1.470 giờ |
| - Khối lượng giờ lý thuyết: | 561 giờ |
| - Khối lượng giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm: | 1.272 giờ |
| - Khối lượng giờ kiểm tra: | 72 giờ |

3. Nội dung chương trình

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIỀN QUYẾT
			Tổng số	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH, TT, TN, BT, TL			
				TL, BT	TH, TN, TT			
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	20	435	149	62	205	19	
MH.01	Chính trị	5	90	65	21		4	
MH.02	Tiếng Anh 1	3	60	14	16	27	3	
MH.03	Tiếng Anh 2	3	60	13	17	28	2	MH.02
MH.04	Tin học đại cương	3	60	30		27	3	
MH.05	Pháp luật đại cương	2	30	21	8	0	1	
MH.06	Giáo dục thể chất 1	1	30	3	0	24	3	
MH.07	Giáo dục thể chất 2	1	30	3	0	24	3	
MH.08	Giáo dục quốc phòng	2	75	0	0	75		
II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	62	1470	412	200	805	53	
II.1	Môn học cơ sở ngành	6	90	55	32	0	3	
MH.09	Tổng quan du lịch	2	30	20	9		1	
MH.10	Kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	2	30	15	14		1	
MH.11	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	20	9		1	
II.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	35	840	222	121	459	38	
MH.12	Thống kê du lịch	3	45	24	18		3	
MH.13	Marketing du lịch	3	45	30	12		3	
MH.14	Tâm lý khách du lịch	2	30	21	8		1	
MH.15	Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	2	30	20	9		1	
MĐ.16	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	6	180	27	15	132	6	
MH.17	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	45	7	7	28	3	MH.03

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIỀN QUYẾT
			Tổng số	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH, TT, TN, BT, TL			
				TL, BT	TH, TN, TT			
MH.18	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	3	45	7	7	28	3	MH.03
MĐ.19	Nghiệp vụ lễ hành	3	90	40	30	14	6	
MH.20	Thực hành nghiệp vụ lễ hành	2	60	6		50	4	MĐ.19
MĐ.21	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	90	15	15	57	3	MH.09
MH.22	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	5	180	25		150	5	MĐ.21
II.3	Kiến thức tự chọn (chọn 2/4 học phần)	6	90	60	24		6	
MH.23	Các nền văn minh thế giới	3	45	30	12		3	
MH.24	Lễ hội Việt Nam	3	45	30	12		3	
MH.25	Nghiệp vụ lưu trú	3	45	30	9	3	3	
MH.26	Địa lý du lịch	3	45	30	12		3	
II.4	Kiến thức bổ trợ ngành	9	180	75	23	76	6	
MH.27	Tổ chức sự kiện	2	30	9	5	15	1	
MĐ.28	Hoạt động team building	3	90	30	15	42	3	
MH.29	Du lịch sinh thái	2	30	15	3	11	1	
MH.30	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	30	21		8	1	
II.5	Thực tập và khóa luận	6	270	0	0	270	0	
MH.31	Thực tập cuối khóa	6	270			270		MH.22
	Tổng cộng	82	1905	561	262	1010	72	

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo



5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo được chia làm 5 học kỳ:

+ Học kỳ 1 và học kỳ 2: (các môn học chung và môn học cơ sở).

+ Học kỳ 3 và học kỳ 4: (các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn và môn học tự chọn và thực tập cuối khóa).

Cụ thể dự kiến phân học kỳ như sau:

HỌC KỲ I

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Chính trị	5	90
2	Tiếng Anh 1	3	60
3	Tin học đại cương	3	60
4	Pháp luật đại cương	2	30
5	Giáo dục thể chất 1	1	30
6	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30
7	Tổng quan du lịch	2	30
8	Tâm lý khách du lịch	2	30
	TỔNG	20	360

HỌC KỲ II

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Tiếng Anh 2	3	60
2	Giáo dục thể chất 2	1	30
3	Nghiệp vụ lễ hành	3	90
4	Kỹ năng giao tiếp ứng xử với khách du lịch	2	30
5	Tổ chức sự kiện	2	30
6	Thống kê du lịch	3	45
7	Tiến trình lịch sử Việt Nam	2	30
8	Du lịch sinh thái	2	30
9	Marketing du lịch	3	45
	TỔNG	21	390

HỌC KỲ III

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Giáo dục quốc phòng	2	75
2	Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	2	30
3	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	45
4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	90
5	Môn tự chọn 1	3	45
6	Môn tự chọn 2	3	45
7	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	3	45
8	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	6	180
	TỔNG	25	555

HỌC KỲ IV

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ
1	Hoạt động team building	3	90
2	Thực hành nghiệp vụ lễ hành	2	60
3	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	90
4	Thực tập cuối khóa	6	270
	TỔNG	14	510

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

6.1. Các môn học chung

Thực hiện theo đúng các chương trình môn học hiện hành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc phối hợp với Bộ/ ngành liên quan tổ chức xây dựng và ban hành.

6.2. Các môn học tự chọn

Chương trình có 7 môn học tự chọn, mỗi môn học 2 tín chỉ. Người học phải chọn tối thiểu 4 môn học trong tổng số 7 môn học, tương đương với thời lượng là 8 tín chỉ.

6.3. Cách thức tổ chức đào tạo

Chương trình đào tạo có thể tổ chức đào tạo theo niên chế hoặc tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ do Hiệu trưởng quyết định cho từng lớp học, từng khoá học hoặc từng ngành học.

6.4. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện Nhà trường dành thời gian cho các hoạt động ngoại khóa bao gồm:

- Quản lý, giáo dục sinh viên ngoài giờ;
- Tổ chức cho sinh viên tới thăm quan, tìm hiểu tại một số doanh nghiệp liên quan phù hợp với nghề đào tạo;
- Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động Đoàn; các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền,... các câu lạc bộ ngoại ngữ; các phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn: ngày quốc khánh 2/9, ngày giải phóng thủ đô 10/10, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đảng 03/02, ngày thành lập Đoàn 26/03, ngày chiến thắng 30/04 và quốc tế lao động 1/5, ngày sinh nhật Bác 19/05.
- Mặt khác có thể tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động xã hội như: Hiến máu nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai - lũ lụt, thanh niên tình nguyện, mùa hè xanh hoặc tuyên truyền phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội, tổ chức giao lưu kết nghĩa giữa Nhà trường với địa phương...

6.5. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

- Thi kết thúc môn học, mô đun thực hiện đối với tất cả các môn học, mô đun sau khi kết thúc môn học, mô đun.

- Thời gian tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun phải thực hiện theo điều 12, của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun được qui định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun theo những hình thức sau:

+ Tự luận / Vấn đáp / Thực hành

+ Tự luận + Thực hành

+ Tự luận + Trắc nghiệm

+ Vấn đáp + Thực hành

(Tùy theo tính chất của môn học, mô đun)

- Thời gian làm bài:

+ Lý thuyết: từ 60 - 120 phút; trường hợp thi vấn đáp: 20 phút chuẩn bị + 15 phút trả lời.

+ Thực hành: từ 2 - 4 giờ

- Cách tính điểm được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học, mô đun và được thống nhất như sau:

+ Điểm quá trình (QT) là điểm trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ có trọng số 0,4 (40%), trong đó:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên (TX) có hệ số 1 (là các điểm do giảng viên kiểm tra đột xuất hoặc chấm điểm bài tập, thảo luận, tiểu luận...) và được tính trung bình các lần kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

+ Điểm kiểm tra định kỳ (ĐK) có hệ số 2 (là điểm của các bài kiểm tra được quy định trong chương trình môn học) và được tính trung bình các bài kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

+ Điểm QT = $(TX + 2*ĐK)/3$

+ Điểm thi kết thúc môn học (T): có trọng số 0,6 (60%)

+ Điểm tổng kết môn học (Điểm TK) = $0,4*QT + 0,6*T$

6.6. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

6.6.1. Đối với đào tạo theo niên chế

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

- Hình thức và thời gian thi:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	120 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	180 - 240 phút

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (với khối ngành công nghệ) hoặc cử nhân thực hành (với khối ngành kinh tế) theo quy định của trường.

6.6.2. Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành (với khối ngành công nghệ) hoặc cử nhân thực hành (với khối ngành kinh tế) cho người học.

6.6. Các chú ý khác

- Môn học bắt buộc là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Môn học tự chọn là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số môn học quy định cho mỗi chương trình.

- Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học phải thoả mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học (môn học tiên quyết là đăng ký môn học, mô đun trước thì được đăng ký môn học, mô đun tiếp theo).

- Kết quả của các môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và xếp loại tốt nghiệp của sinh viên, nhưng là một trong những điều kiện để xét dự thi tốt nghiệp và xét tốt nghiệp. Kết thúc môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh nếu đạt yêu cầu thì người học được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.

- Một giờ học thực hành/ tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Phúc Đức